

CÔNG TY CP ARMEPHACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 04

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

05 - 06

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

07 - 08

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

09

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

11 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP ARMEPHACO trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần ARMEPHACO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dược và Thiết bị y tế Quân đội được thành lập theo quyết định số 1436/QĐ-QP ngày 12/08/1996 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110974 ngày 21/08/1996 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 1183/QĐ-BQP ngày 15/04/2010 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0100109191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/06/2010.

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: ARMEPHACO JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: **ARMEPHACO JSC**

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: **130.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tỷ đồng)**

Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng (Mười nghìn đồng)**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Doanh nghiệp bán buôn thuốc;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Thu nhặt các sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sản xuất khác (trừ các loại Nhà nước cấm);

20261
ÔNG
NHIỆM
CÁN VÀ
VIỆT N
31/12/2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế; nha khoa; chỉnh hình và hồi phục chức năng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất thực phẩm khác (trừ các loại nhà Nước cấm);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Phòng khám đa khoa.

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội

Tel: 04 3875 9477

Fax: 04 3875 9476

Các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh 2 tại TP HCM - Công ty CP ARMEPHACO

Địa chỉ: 134/1 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP HCM

- Chi nhánh Công ty CP ARMEPHACO - Xí nghiệp dược phẩm 150

Địa chỉ: 112 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP HCM

- Chi nhánh tại TP HCM - Công ty CP ARMEPHACO

Địa chỉ: 134/1 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP HCM

- Công ty CP ARMEPHACO - Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 8 Tầng Bạt Hồ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Công ty CP ARMEPHACO - Chi nhánh tại TP Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 57, Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng

Chủ tịch

Ông Nguyễn Hữu Chương

Phó chủ tịch

Bà Nguyễn Thị Hương

Phó chủ tịch

Ông Đỗ Chi

Ủy viên

Ông Đỗ Văn Bé

Ủy viên

Ông Bùi Viết Tuấn

Ủy viên

Ông Nguyễn Việt Hà

Ủy viên

Ông Lê Ngọc Dương

Ủy viên

Ông Hoàng Cao Phong

Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Chi

Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hương

Phó Tổng giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ông Đỗ Văn Bé

Ông Lê Minh Trường

Ông Bùi Việt Tuấn

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

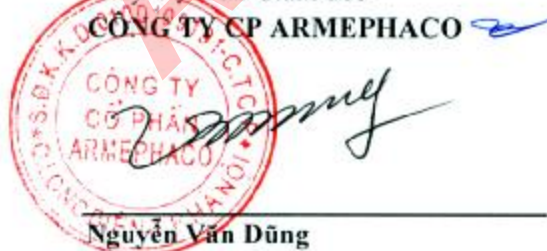
Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CP ARMEPHACO**Nguyễn Văn Dũng****Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Số : 275...- 11/THH-VAE

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 24/06/2010 đến 31/12/2010
của Công ty CP ARMEPHACO**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty CP ARMEPHACO**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010 được lập ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Công ty CP ARMEPHACO (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP ARMEPHACO.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Do việc bổ nhiệm Kiểm toán viên diễn ra sau thời điểm 31/12/2010 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm nêu trên. Vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về sự hiện hữu cũng như giá trị của những khoản mục này được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ 24/06/2010 đến 31/12/2010.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm chưa sử dụng từ Công ty nhà nước chuyển sang với giá trị 1.642.762.903 đồng chưa được Công ty hạch toán và theo dõi trên tài khoản phải trả về cổ phần hóa là chưa phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.
- Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo kế hoạch, thuyết minh tại mục 3 phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính mô tả ảnh hưởng nếu công ty áp dụng theo phương pháp đường thẳng.

- Công ty chưa tiến hành đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư công nợ phải thu, phải trả và TGNH có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2010 theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày 31/12/2010.
- Chúng tôi không được cung cấp các thông báo chia lãi từ Công ty liên doanh do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khoản lãi được chia từ Công ty liên doanh được ghi nhận trong kỳ với giá trị 2.615.644.431 đồng.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty CP ARMEPHACO cho kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP ARMEPHACO giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
 Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV
 Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	24/06/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		226.179.657.113	-
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		63.852.439.476	-
1 Tiền	111	V.1.	63.852.439.476	-
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.757.064.613	-
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.1.1	51.734.972.528	-
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.1.2	40.418.112.116	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	9.603.979.969	-
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		51.154.290.891	-
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	51.154.290.891	-
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		9.415.862.133	-
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		969.326.647	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.571.005.548	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		260.799	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.1.3	5.875.269.139	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.820.498.626	-
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		102.401.393.335	-
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	102.401.393.335	-
- Nguyên giá	222		149.437.742.074	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.036.348.739)	-
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.369.488.791	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VIII.1.4	11.347.488.791	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.5.	22.000.000	-
V Tài sản dài hạn khác	260		49.616.500	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.	49.616.500	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		340.000.155.739	-

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.11.	269.178.527.525
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.12.	35.884.040
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.13.	269.142.643.485
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.14.	251.836.062.693
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.306.580.792
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15.	3.405.288.159
7 Chi phí tài chính	22	VI.16.	718.348.290
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		604.972.637
8 Chi phí bán hàng	24		5.618.366.611
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.1.8	8.947.832.970
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.427.321.080
11 Thu nhập khác	31	VIII.1.	142.250.232
12 Chi phí khác	32	VIII.1.	286.561.638
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(144.311.406)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.283.009.674
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.17.	666.841.311
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.616.168.363
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.18.	355

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CP ARMEPHACO

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Ngọc Thạch

Bùi Viết Tuấn

Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Từ 24/06/2010 đến

31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã số	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	204.160.870.407
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(210.309.430.415)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(9.739.579.614)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(677.561.067)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(125.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	90.968.380.586
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(23.427.835.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.849.844.504
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.789.728.109)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	713.323.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.076.405.028)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.060.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.981.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.079.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	63.852.439.476
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	63.852.439.476

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CP ARMEPHACO

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thạch

Bùi Viết Tuấn



Nguyễn Văn Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần ARMEPHACO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dược và Thiết bị y tế Quân đội được thành lập theo quyết định số 1436/QĐ-QP ngày 12/08/1996 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110974 ngày 21/08/1996 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 1183/QĐ-BQP ngày 15/04/2010 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0100109191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/06/2010.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Doanh nghiệp bán buôn thuốc;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Thu nhập các sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sản xuất khác (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế; nha khoa; chỉnh hình và hồi phục chức năng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất thực phẩm khác (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010****(tiếp theo)**

- Phòng khám đa khoa.

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội

Tel: 04 3875 9477

Fax: 04 3875 9476

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng kỳ kế toán từ 24/03/2010 đến 31/12/2010 là kỳ đầu tiên hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế do công ty xây dựng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ chưa được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010****(tiếp theo)****2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. *Giá gốc hàng tồn kho bao gồm*: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ*: Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*:

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty thực hiện khấu hao theo kế hoạch hàng năm dựa trên kế hoạch kinh doanh đã đăng ký với Cục hậu cần. Nếu thực hiện khấu hao theo đường thẳng thì chi phí khấu hao sẽ tăng theo ước tính là 1,1 tỷ đồng.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm cổ phiếu, góp vốn liên doanh được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, hoặc ngày góp vốn.

Tại thời điểm 31/12/2010 Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010****(tiếp theo)****6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước: Đối với khoản chi phí trả trước phát sinh cho từng hoạt động sản xuất kinh doanh nào thì được tập hợp và phân bổ cho từng khoản mục sản xuất kinh doanh đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo tiến độ của từng khoản mục sản xuất kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán trang thiết bị ngành y, thuốc chữa bệnh, vật tư, dịch vụ và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010****(tiếp theo)****11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11.3 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty thực hiện việc kê khai và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

Thuế suất thuế GTGT 5% đối với mặt hàng là thiết bị y tế, thuốc chữa bệnh

Thuế suất thuế GTGT 10% đối với các mặt hàng khác công ty kinh doanh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2010
	VND
Tiền mặt	1.988.950.380
Tiền gửi ngân hàng	61.863.489.096
Cộng	63.852.439.476
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2010
	VND
Phải thu về cổ phần hoá	635.332.160
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.745.273.128
Phải thu khác	3.793.308.844
Nguyễn Quốc Khánh	3.484.427
Cửa hàng 1A Trần Thánh Tông	8.510.000
Tổng cục hậu cần cấp vốn đầu tư XD CB	500.000.000
Vốn liên kết XN 130	35.000.000
Trợ cấp phục viên một lần	2.277.575.857
Phòng kinh doanh XNK	2.574.000
Xi nghiệp thiết bị ty tế 130	124.958.434
Xi nghiệp dược phẩm 150	3.884.636
Bán cổ phiếu ưu đãi cho người lao động	5.641.400
Medical Instrument System Co., LTD	118.542.080
Công ty TNHH Thiết bị y khoa Đỗ Thân	500.000
Thuế GTGT + Thuế TTĐB chờ xử lý	712.638.010
Các khoản dư Nợ TK 3388	1.430.065.837
Cộng	9.603.979.969
3. Hàng tồn kho	31/12/2010
	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.876.069.487
Công cụ dụng cụ	18.827.206
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.837.454.208
Thành phẩm	9.349.095.155
Hàng hóa	18.072.844.835
Cộng giá gốc hàng tồn kho	51.154.290.891

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010

(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà Cửa Vật Kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu						Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 24/06/2010	-	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	439.856.276	-	134.987.183	-	574.843.459
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.406.418.928	-	-	-	-	1.406.418.928
Nhận bán giao từ DNNN	74.027.616.732	64.688.216.973	6.569.777.055	2.064.531.682	106.337.245	147.456.479.687
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	75.434.035.660	65.128.073.249	6.569.777.055	2.199.518.865	106.337.245	149.437.742.074
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 24/06/2010	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	1.168.976.502	2.504.100.149	159.102.664	52.210.278	-	3.884.389.593
Nhận bán giao từ DNNN	20.685.211.559	18.593.996.788	2.266.732.316	1.606.018.483	-	43.151.959.146
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	21.854.188.061	21.098.096.937	2.425.834.980	1.658.228.761	-	47.036.348.739
Giá trị còn lại						
Tại ngày 24/06/2010	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	53.579.847.599	44.029.976.312	4.143.942.075	541.290.104	106.337.245	102.401.393.335

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010

(tiếp theo)

5. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2010
	VND
Đầu tư cổ phiếu	22.000.000
Cộng	22.000.000
6. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010
	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	49.616.500
Cộng	49.616.500
7. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010
	VND
Vay ngắn hạn	
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (*)	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000
(*) Là khoản vay để phục thanh toán tiền vốn lưu động với lãi suất 13,5%/năm	
8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2010
	VND
Thuế GTGT đầu ra	211.955.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	541.841.311
Thuế thu nhập cá nhân	18.991.927
Cộng	772.788.335
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2010
	VND
Kinh phí công đoàn	295.405.182
Bảo hiểm y tế	78.672.689
Phải trả về cổ phần hoá	82.777.248.833
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	325.832.680
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.513.404.937
- Cục tài chính - BQP	14.000.000.000
- Cổ tức phải trả cổ đông	3.250.000.000
- Công ty TNHH Y khoa Đỗ Thân	361.125.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	902.279.937
Cộng	101.990.564.321

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

kỳ hoạt động từ ngày 24/06/2010 đến 31/12/2010

(tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	6	7
Số dư tại ngày 24/06/2010					
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	130.000.000.000	-	-	-	130.000.000.000
- Tăng khác	-	-	-	4.616.168.363	4.616.168.363
- Giảm vốn trong kỳ này	-	428.556.121	428.556.121,00	-	857.112.242
- Giảm khác	-	-	-	-	-
	-	-	-	(4.616.168.363)	(4.616.168.363)
Số dư tại ngày 31/12/2010	130.000.000.000	428.556.121	428.556.121	-	130.857.112.242

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2010

VND

Vốn góp của nhà nước

Vốn góp của đối tượng khác

Cộng

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 CP

66.300.000.000

63.700.000.000

130.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010

(tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-
Vốn góp đầu kỳ	130.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	130.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2010 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng	

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

11. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010 VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ	269.178.527.525
Cộng	269.178.527.525
12. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010 VND
Giảm giá hàng bán	46.183
Hàng bán bị trả lại	35.837.857
Cộng	35.884.040

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010

(tiếp theo)

13. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010 VND
Doanh thu thuần hàng hóa, dịch vụ	269.142.643.485
Cộng	269.142.643.485
14. Giá vốn hàng bán	Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010 VND
Giá vốn của hàng hóa dịch vụ đã cung cấp	251.836.062.693
Cộng	251.836.062.693
15. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010
Lãi tiền gửi	713.323.081
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.615.644.431
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.370.055
Doanh thu hoạt động tài chính khác	71.950.592
Cộng	3.405.288.159
16. Chi phí tài chính	Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010
Lãi tiền vay	604.972.637
Chi phí tài chính khác	113.375.653
Cộng	718.348.290
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	272.690.181.876
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	267.407.172.202
Lợi nhuận trước thuế	5.283.009.674
Lợi nhuận được chia từ liên doanh không chịu thuế	2.615.644.431
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.667.365.243
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	666.841.311
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.616.168.363

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010****(tiếp theo)**

+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.616.168.363
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	355

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**VIII. Những thông tin khác****1. Những thông tin khác****1.1 Phải thu của khách hàng****31/12/2010****VND**

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW2 Hà Nội	716.622.925
Công ty CP Dược và Trang thiết bị Y tế Đông Dương	350.462.494
Công ty CP Dược phẩm Hòa Phát	437.899.645
Công ty TNHH MTV Dược Kỳ Phương	223.140.500
Công ty TNHH TM Dược MP Thanh Bình	3.960.371.100
Bệnh viện Tim Hà Nội	330.000.000
Ban quản lý Dự án 678	481.724.000
Bệnh viện Đa khoa khu vực Bãi Cháy	1.212.300.000
Cục Quân nhu - Tổng cục hậu cần	2.895.045.655
Cục Quân Y	4.244.736.313
Sở Y tế Quảng Ninh: HD 157/HĐKT	1.368.409.000
Công ty CP Y tế Thành Giang	1.745.829.750
Cục Quân Y: HD 06/2010	818.468.270
Viện TW Quân đội 108	1.785.847.224
Cục Y tế TCHC BCA: HD 01KD2	3.857.231.777
Công ty TNHH Hóa dược Hà Nội	935.508.074
Công ty CP Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Hoàng Hà	409.924.515
Công ty TNHH Dược phẩm Nam Thái Hòa	554.700.000
Cục hậu cần KT - BTL Biên phòng	1.263.000.000
Sở Y tế Long An	1.247.500.000
Công ty TNHH Dược phẩm T&B	1.467.089.850
Các đối tượng khác	21.429.161.436

Cộng**51.734.972.528****1.2 Trả trước cho người bán****31/12/2010****VND**

Công ty CP Y tế Thành Giang	23.984.543.169
Công ty TBYT Việt Khoa	3.490.988.193
Brington Trading Co.,Ltd	2.559.843.000
Scientific and technical equipment Pte Ltd	3.800.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010****(tiếp theo)**

Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Minh Long	1.505.626.000
Công ty TNHH TBYT Nhật Minh	2.345.579.000
Đối tượng khác	2.731.532.754
Cộng	40.418.112.116
1.4 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	31/12/2010
	VND
Công ty Liên doanh TNHH Bơm tiêm sử dụng một lần dụng cụ Y tế	11.347.488.791
Cộng	11.347.488.791
1.5 Phải trả người bán	31/12/2010
	VND
Công ty CP Dược phẩm TW1	1.191.250.635
Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	1.572.480.000
Công ty TNHH SXBB&TM Đức Thành	1.320.783.810
Công ty CP Dược phẩm Sao Mỹ	1.196.842.581
Công ty TNHH Thành Đạt	1.561.754.156
Công ty TNHH Thương mại Long Sơn	1.028.500.000
Công ty TNHH Việt Quang	1.555.355.000
Công ty Cơ khí Inox Hải Thanh	1.442.225.000
Công ty TNHH SX và TM Trần Lê	1.306.000.000
Nipon Corp	4.978.547.127
C-Pharmachem Co LTD	3.352.438.185
Công ty TNHH Thiết bị Y khoa Đỗ Thân	1.230.282.500
Ky Medicare Co.,Ltd	8.017.836.187
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Nam Tiến	1.187.046.098
Công ty TNHH Phúc Tín	524.774.203
Các đối tượng khác	28.803.243.622
Cộng	60.269.359.104
1.6 Người mua trả tiền trước	31/12/2010
	VND
Bệnh viện hữu nghị đa khoa Nghệ An	3.157.000.000
Bệnh viện răng hàm mặt TW HN	512.900.000
Sở y tế Tuyên Quang	4.008.378.000
Công ty TNHH Bách Kỳ Phương	446.163.000
Công ty TNHH Bệnh Viện An Phước	1.037.614.500
Công ty TNHH Bình Văn	6.443.768.400
Các đối tượng khác	2.614.576.833
Cộng	18.220.400.733

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 24/06/2010 đến 31/12/2010

(tiếp theo)

1.7 Chi phí bán hàng

**Từ 24/06/2010 đến
31/12/2010**

VND

Chi phí nhân viên	2.498.548.329
Chi phí vật liệu, bao bì	74.015.290
Chi phí khấu hao TSCĐ	92.900.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.115.675.856
Chi phí bằng tiền khác	837.226.185

Cộng	5.618.366.611
-------------	----------------------

1.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

**Từ 24/06/2010 đến
31/12/2010**

VND

Chi phí nhân viên quản lý	3.642.257.834
Chi phí vật liệu quản lý	486.995.310
Chi phí đồ dùng văn phòng	209.641.896
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.399.389.593
Thuế, phí và lệ phí	32.699.452
Chi phí dự phòng	54.529.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.245.947.291
Chi phí bằng tiền khác	1.876.372.001

Cộng	8.947.832.970
-------------	----------------------

1.9 Thông tin so sánh

Đây là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty Cổ phần nên không có số liệu so sánh.

Người lập

Đào Ngọc Thạch

Kế toán trưởng

Bùi Viết Tuấn

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CP ARMEPHACO

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

